TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 28 – 3 – 2024
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài;

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh P: Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số D, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/11/2023).

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1977;

2. Anh Lê Hữu C, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thanh V có mặt tại phiên tòa; ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Thanh P có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thanh V trình bày:

Vào ngày 08/5/2018, ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C có vay của ông Trần Thanh P số tiền gốc 7.500.000 đồng, mục đích vay là để chi tiêu trong gia đình, lãi suất không có ghi trong biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng là 1,66%/tháng, thời hạn vay không có ghi trong biên nhận nhưng thỏa thuận miệng là 12 tháng; tại cửa hàng kinh doanh của ông P thì ông N và anh C có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận 08/5/2018 do ông P đánh máy sẵn. Ông N và anh C đóng lãi theo thỏa thuận từ ngày vay 08/5/2018 đến 08/02/2019 được 1.116.000 đồng, nhưng từ ngày 09/02/2019 thì ông N và anh C không có trả được tiền vay gốc và lãi cho ông P.

Tại đơn khởi kiện, ông Trần Thanh P yêu cầu ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C liên đới trả cho ông Trần Thanh P số tiền vay gốc là 7.500.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 09/02/2019 đến ngày 09/6/2022 là 40 tháng x 124.000 đồng/tháng = 4.960.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 12.460.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 7.500.000 đồng cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh P xác định ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông P chỉ yêu cầu ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C trả cho ông Trần Thanh P số tiền vay gốc là 7.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C: Bị đơn ông N và anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N và anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông N và anh C vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông N và anh C đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông N và anh C chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vay gốc là 7.500.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD ông Trần Thanh P (Bản sao);

- Biên nhận ngày 08/5/2018 của ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C (Bản chính);

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú người bị kiện ngày 22/02/2022 (Bản chính).

- Hợp đồng ủy quyền ngày 24/11/2023 của ông Trần Thanh P (Bản chính);

- Bản tự khai ngày 20/12/2023 của ông Trần Thanh P (Bản chính);

- Biên bản xác minh nơi cứ trú đối với ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C hiện nay cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh P xác định ông P chỉ yêu cầu anh Lê Hữu C và ông Lê Văn N chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông P là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào biên nhận ngày 08/5/2018, thể hiện ông P có cho ông N, anh C vay số tiền gốc là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và ông N, anh C đã nhận đủ số tiền vay gốc nêu trên. Nội dung biên nhận cho thấy tại thời điểm ông P cho ông N, anh C vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Tại biên nhận ngày 08/5/2018 không thỏa thuận thời hạn vay tiền, nên việc ông P khởi kiện tại Tòa án vào tháng 9/2022 đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng ông N, anh C không có trả nợ và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ cho ông P, nên ông N, anh C đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với ông P.

Ông P cam đoan chữ ký và chữ viết họ tên người vay tiền tại biên nhận là của ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C, đồng thời cam đoan ông Lê Văn N, anh Lê Hữu C là người vay tiền với ông Lê Văn N, anh Lê Hữu C là bị đơn là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc ông N, anh C đã trả xong tiền nợ cho ông P, thì ông P chịu trách nhiệm.

Ông Lê Văn N, anh Lê Hữu C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông N, anh C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N, anh C, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông N, anh C.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh P xác định ông P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc là 7.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tiền lãi.

Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*", Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P, buộc ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vay gốc còn nợ là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 , điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Buộc ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Thanh P số tiền vay gốc còn nợ là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Lê Văn N và anh Lê Hữu C phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Thanh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 312.000 đồng (Ba trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai số 0004256 ngày 01/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang